

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

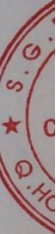
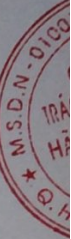
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-37
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	14
Thuyết minh Báo cáo tài chính	15-37



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 82/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/02/2008, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 13/GPĐC-UBCK ngày 14/02/2011, số 50/GPĐC-UBCK ngày 26/08/2011 và số 51/GPĐC-UBCK ngày 18/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Loan	Chủ tịch
Ông Trần Kiên Cường	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Cường	Ủy viên
Ông Trần Anh Quân	Ủy viên
Bà Mai Thị Hằng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Kiên Cường	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Vương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hà Hải Như	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Lan	Trưởng ban
Bà Đào Thị Thơm	Ủy viên
Bà Phạm Thị Sen	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Kiên Cường

Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Số:280318.050/BCTC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình được lập ngày 28 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Nguyễn Diệu Trang

Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0777-2018-002-1

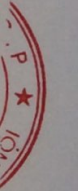
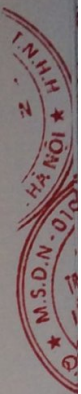
Nguyễn Diệu Trang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0938-2018-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		208.983.710.145	175.642.597.783
110	I. Tài sản tài chính		208.745.873.131	175.397.880.874
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	194.388.217.504	170.766.320.254
111.1	1.1 Tiền		133.388.217.504	5.766.320.254
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		61.000.000.000	165.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	115.756.190	111.164.504
114	3. Các khoản cho vay	5	13.266.055.934	2.126.793.278
116	4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	5	-	(6.663.684)
117	5. Các khoản phải thu	6	50.000.000	1.000.000.000
117.2	5.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		50.000.000	1.000.000.000
117.3	5.1.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		50.000.000	1.000.000.000
118	6. Trả trước cho người bán		44.000.000	44.000.000
122	7. Các khoản phải thu khác	6	881.843.503	1.356.266.522
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		237.837.014	244.716.909
131	1. Tạm ứng		926.713	824.424
135	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		81.572.384	88.845.112
136	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9	155.047.373	155.047.373
137	4. Tài sản ngắn hạn khác		290.544	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		192.301.758.354	198.166.675.688
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		55.058.478.525	55.066.377.577
212	1. Các khoản đầu tư	10	55.896.160.000	55.896.160.000
212.4	1.11 Đầu tư dài hạn khác		55.896.160.000	55.896.160.000
213	1.12 Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	11	(837.681.475)	(829.782.423)
220	II. Tài sản cố định	12	69.444.448	326.491.112
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	-	-
222	- Nguyên giá		15.970.989.107	15.970.989.107
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.970.989.107)	(15.970.989.107)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	69.444.448	326.491.112
228	- Nguyên giá		12.449.916.470	12.449.916.470
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.380.472.022)	(12.123.425.358)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	48.959.281.799	55.020.025.006
231	- Nguyên giá		76.868.886.130	76.868.886.130
232a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.909.604.331)	(21.848.861.124)
250	V. Tài sản dài hạn khác		88.214.553.582	87.753.781.993
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	8	80.000.000.000	80.000.000.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	7	31.558.081	17.300.001
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	8.182.995.501	7.736.481.992
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		401.285.468.499	373.809.273.471

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

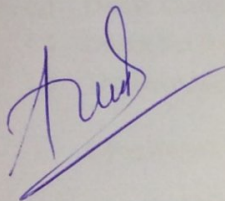
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		25.995.280.485	1.277.200.561
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		25.995.280.485	1.277.200.561
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	65.277.462	202.193.746
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn		39.993.849	16.016.000
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	90.089.497	35.301.241
323	4. Phải trả người lao động		305.802.231	343.506.375
324	5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		103.437.827	70.508.187
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	304.672.698	526.256.023
329	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	25.004.633.900	-
331	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		81.373.021	83.418.989
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		375.290.188.014	372.532.072.910
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	375.290.188.014	372.532.072.910
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		329.999.800.000	329.999.800.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		329.999.800.000	329.999.800.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		329.999.800.000	329.999.800.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		3.725.273.511	3.627.965.499
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		3.725.273.511	3.627.965.499
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		37.839.840.992	35.276.341.912
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		37.834.348.586	35.276.341.912
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		5.492.406	-
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		401.285.468.499	373.809.273.471

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

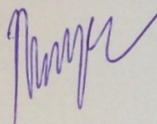
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)		32.999.980	32.999.980
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán (VND)	21	11.510.000	11.760.000
009	3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán (VND)		-	70.000
012	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán (VND)	22	55.520.000.000	55.520.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	23	656.815.620.000	475.966.510.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		633.200.190.000	455.096.840.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		20.216.390.000	20.216.390.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		3.399.040.000	653.280.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	24	35.011.180.000	57.150.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		11.180.000	57.150.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		35.000.000.000	-
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	25	500.197.400	493.200.000

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
026	4. Tiền gửi của khách hàng	26	3.480.477.835	4.937.296.318
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		3.480.477.835	4.937.296.318
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	27	3.480.477.835	4.937.296.318
031.1	5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		3.480.477.835	4.937.296.318



Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Người lập

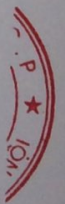


Nguyễn Ngọc Dung
Kế toán trưởng



Trần Kiên Cường
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

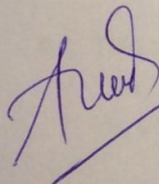
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2017

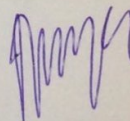
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	12.780.310	555.200
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	5.c) 12.082.830	-
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	29.a) 697.480	555.200
03	1.2	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	29.a) 1.862.619.313	2.045.396.731
06	1.3	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2.501.198.465	3.882.136.432
10	1.4	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	72.727.272	-
11	1.5	Thu nhập hoạt động khác	29.b) 4.849.358.326	4.543.682.316
20	Cộng doanh thu hoạt động		9.298.683.686	10.471.770.679
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	6.590.424	-
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.c) 6.590.424	-
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	(6.663.684)	(19.680)
27	2.3	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	4.482.947.691	5.401.648.351
30	2.4	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	357.112.965	388.993.882
40	Cộng chi phí hoạt động		4.839.987.396	5.790.622.553
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 30				
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	3.030.773.336	3.059.374.076
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		3.030.773.336	3.059.374.076
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH 31				
54	4.1	Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	7.899.052	829.782.423
60	Cộng chi phí tài chính		7.899.052	829.782.423
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN 32		4.674.801.438	4.963.606.219
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		2.806.769.136	1.947.133.560

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
 Năm 2017


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
72	8.1 Chi phí khác		-	973.318
80	Cộng kết quả hoạt động khác		-	(973.318)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		2.806.769.136	1.946.160.242
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		2.801.276.730	1.946.160.242
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		5.492.406	-
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	33	-	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		2.806.769.136	1.946.160.242
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	34	85	59



Nguyễn Thị Ánh Tuyết
 Người lập



Nguyễn Ngọc Dung
 Kế toán trưởng

Trần Kiên Cường
 Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng
Bà, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

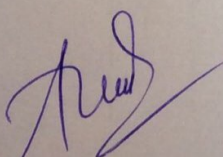
Năm 2017

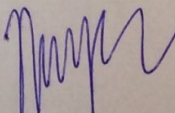
(Theo phương pháp trực tiếp)

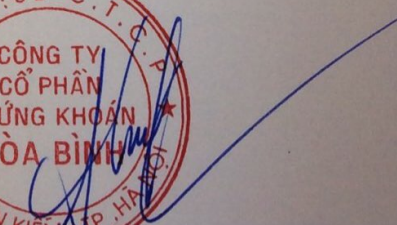
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
03	1. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		(156.133.710)	-
04	2. Cổ tức đã nhận		697.480	555.200
05	3. Tiền lãi đã thu		2.393.392.649	2.186.085.345
07	4. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho công ty chứng khoán		(1.461.378.255)	(1.721.684.348)
08	5. Tiền chi trả cho người lao động		(3.780.454.827)	(4.931.560.033)
09	6. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán		(824.018.123)	(1.042.571.223)
11	7. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		44.556.095.952	91.279.334.586
12	8. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(20.556.303.916)	(61.052.431.200)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20.171.897.250	24.717.728.327
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	(125.000.000)
25	2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		3.450.000.000	1.500.000.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.450.000.000	1.375.000.000
50	IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm		23.621.897.250	26.092.728.327
60	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		170.766.320.254	144.673.591.927
61	Tiền		5.766.320.254	144.673.591.927
62	Các khoản tương đương tiền		165.000.000.000	-
70	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		194.388.217.504	170.766.320.254
71	Tiền		133.388.217.504	5.766.320.254
72	Các khoản tương đương tiền		61.000.000.000	165.000.000.000

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
 Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		784.242.046.500	893.884.015.000
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(781.349.861.100)	(1.683.990.551.200)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(4.349.003.883)	778.242.373.615
12	4. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		28.362.005.937	10.516.716.202
13	5. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(28.362.005.937)	(10.516.716.202)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(1.456.818.483)	(11.864.162.585)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		4.937.296.318	16.801.458.903
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		4.937.296.318	16.801.458.903
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		4.937.296.318	16.801.458.903
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		3.480.477.835	4.937.296.318
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		3.480.477.835	4.937.296.318
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		3.480.477.835	4.937.296.318


 Nguyễn Thị Ánh Tuyết
 Người lập


 Nguyễn Ngọc Dung
 Kế toán trưởng


 Trần Kiên Cường
 Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

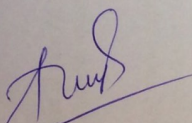
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

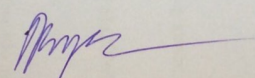
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2017

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2016	01/01/2017	Năm 2016		Năm 2017		31/12/2016	31/12/2017
		VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		329.999.800.000	329.999.800.000	-	-	-	-	329.999.800.000	329.999.800.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		329.999.800.000	329.999.800.000	-	-	-	-	329.999.800.000	329.999.800.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		3.562.534.878	3.627.965.499	65.430.621	-	97.308.012	-	3.627.965.499	3.725.273.511
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		3.562.534.878	3.627.965.499	65.430.621	-	97.308.012	-	3.627.965.499	3.725.273.511
4. Lợi nhuận chưa phân phối		33.493.758.222	35.276.341.912	1.946.160.242	163.576.552	2.806.769.136	243.270.056	35.276.341.912	37.839.840.992
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		33.493.758.222	35.276.341.912	1.946.160.242	163.576.552	2.801.276.730	243.270.056	35.276.341.912	37.834.348.586
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	5.492.406	-	-	5.492.406
TỔNG CỘNG		370.618.627.978	372.532.072.910	2.077.021.484	163.576.552	3.001.385.160	243.270.056	372.532.072.910	375.290.188.014



Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Người lập



Nguyễn Ngọc Dung
Kế toán trưởng



Trần Kiên Cường
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 82/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/02/2008, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 13/GPĐC-UBCK ngày 14/02/2011, số 50/GPĐC-UBCK ngày 26/08/2011 và số 51/GPĐC-UBCK ngày 18/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành và sửa đổi bổ sung ngày 28 tháng 04 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 329.999.800.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 329.999.800.000 đồng; tương đương 32.999.980 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 06 tháng 10 năm 2010 với mã giao dịch là HBS.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phát sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dùng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Thu nhập" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014.

2.6 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.7 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	03 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 năm

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.12 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.13 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.14 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu từ dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư dài hạn khác.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền, ...).

2.15 . Các khoản thuế

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên trực tiếp hoặc gián tiếp quản lý hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Cửa nhà đầu tư	131.626.475	1.568.290.093.900
- Cổ phiếu	131.626.475	1.568.290.093.900
	<u>131.626.475</u>	<u>1.568.290.093.900</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt tại quỹ	943.086.070	639.083.518
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	132.445.131.434	5.127.236.736
Các khoản tương đương tiền	61.000.000.000	165.000.000.000
	<u>194.388.217.504</u>	<u>170.766.320.254</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 07 ngày đến 01 tháng, được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 0,5%/năm đến 4,2%/năm.

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	14.874.564	22.034.590	15.775.284	18.047.020
Cổ phiếu Upcom	1.789.220	121.600	1.789.220	146.200
Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký lưu ký (*)	93.600.000	93.600.000	93.600.000	93.600.000
	<u>110.263.784</u>	<u>115.756.190</u>	<u>111.164.504</u>	<u>111.793.220</u>

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

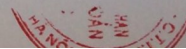
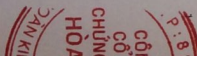
b) Các khoản cho vay

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Hoạt động margin	12.252.966.560	1.917.795.078
Hoạt động ứng trước tiền bán	1.013.089.374	208.998.200
	<u>13.266.055.934</u>	<u>2.126.793.278</u>

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

c) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (Theo phương pháp hạch toán tài sản tài chính đánh giá lại)

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	110.263.784	111.164.504	115.756.190	111.793.220	11.707.430	7.292.400	(6.215.024)	(6.663.684)	115.756.190	111.793.220
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>14.874.564</i>	<i>15.775.284</i>	<i>22.034.590</i>	<i>18.047.020</i>	<i>11.707.430</i>	<i>7.292.400</i>	<i>(4.547.404)</i>	<i>(5.020.664)</i>	<i>22.034.590</i>	<i>18.047.020</i>
- AGR	62.100	62.100	36.360	14.940	-	-	(25.740)	(47.160)	36.360	14.940
- CSC	529.380	529.380	2.034.500	1.462.500	1.505.120	933.120	-	-	2.034.500	1.462.500
- CT6	743.400	743.400	414.000	310.500	-	-	(329.400)	(432.900)	414.000	310.500
- CTD	170.100	170.100	906.000	730.000	735.900	559.900	-	-	906.000	730.000
- CTG	132.480	132.480	242.000	150.500	109.520	18.020	-	-	242.000	150.500
- DIG	150.750	150.750	123.600	45.900	-	-	(27.150)	(104.850)	123.600	45.900
- DRC	117.360	117.360	266.200	352.000	148.840	234.640	-	-	266.200	352.000
- FPT	186.300	186.300	171.300	132.000	-	-	(15.000)	(54.300)	171.300	132.000
- GTA	8.190	8.190	15.000	13.200	6.810	5.010	-	-	15.000	13.200
- HAP	29.040	29.040	16.520	12.400	-	-	(12.520)	(16.640)	16.520	12.400
- HBS	2.844.000	2.844.000	540.000	660.000	-	-	(2.304.000)	(2.184.000)	540.000	660.000
- HDC	207.900	207.900	197.400	118.800	-	-	(10.500)	(89.100)	197.400	118.800
- ICG	88.020	88.020	39.600	41.400	-	-	(48.420)	(46.620)	39.600	41.400
- ITA	192.960	192.960	71.720	87.780	-	-	(121.240)	(105.180)	71.720	87.780
- ITC	31.140	31.140	28.400	20.900	-	-	(2.740)	(10.240)	28.400	20.900
- KBC	123.300	123.300	67.000	69.250	-	-	(56.300)	(54.050)	67.000	69.250
- KDC	221.850	221.850	276.500	254.450	54.650	32.600	-	-	276.500	254.450
- NSC	257.580	257.580	1.083.000	925.000	825.420	667.420	-	-	1.083.000	925.000
- PET	69.300	69.300	59.000	51.500	-	-	(10.300)	(17.800)	59.000	51.500
- PTL	77.040	77.040	34.000	20.800	-	-	(43.040)	(56.240)	34.000	20.800
- PVD	249.600	249.600	140.100	124.200	-	-	(109.500)	(125.400)	140.100	124.200
- PXT	44.100	44.100	22.900	23.250	-	-	(21.200)	(20.850)	22.900	23.250
- SHN	810.810	810.810	633.600	724.500	-	-	(177.210)	(86.310)	633.600	724.500
- SMC	58.590	58.590	79.800	63.900	21.210	5.310	-	-	79.800	63.900
- SRC	131.220	131.220	192.750	261.000	61.530	129.780	-	-	192.750	261.000
- STB	875.000	875.000	1.606.250	1.115.100	731.250	240.100	-	-	1.606.250	1.115.100



5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

c) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (Theo phương pháp hạch toán tài sản tài chính đánh giá lại)

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- SVC	126.000	126.000	199.200	192.000	73.200	66.000	-	-	199.200	192.000
- TKC	448.470	448.470	1.014.000	682.500	565.530	234.030	-	-	1.014.000	682.500
- TKU	270.000	270.000	414.000	388.800	144.000	118.800	-	-	414.000	388.800
- TLH	-	-	45.000	49.000	45.000	49.000	-	-	45.000	49.000
- TS4	88.560	88.560	45.300	46.800	-	-	(43.260)	(41.760)	45.300	46.800
- VC2	3.285.744	3.285.744	2.100.000	1.860.000	-	-	(1.185.744)	(1.425.744)	2.100.000	1.860.000
- VCB	502.200	502.200	1.683.300	1.098.950	1.181.100	596.750	-	-	1.683.300	1.098.950
- VIC	987.790	987.790	6.338.600	3.444.000	5.350.810	2.456.210	-	-	6.338.600	3.444.000
- VMD	-	900.720	-	1.180.800	-	280.080	-	-	-	1.180.800
- VNE	49.680	49.680	45.540	45.000	-	-	(4.140)	(4.680)	45.540	45.000
- VNS	398.250	398.250	478.950	1.029.200	80.700	630.950	-	-	478.950	1.029.200
- VPH	248.040	248.040	270.000	151.200	21.960	-	-	(96.840)	270.000	151.200
- VSH	58.320	58.320	103.200	93.000	44.880	34.680	-	-	103.200	93.000
Cổ phiếu UpCom	1.789.220	1.789.220	121.600	146.200	-	-	(1.667.620)	(1.643.020)	121.600	146.200
- S96	1.606.500	1.606.500	56.000	35.000	-	-	(1.550.500)	(1.571.500)	56.000	35.000
- VFC	106.400	106.400	57.600	101.600	-	-	(48.800)	(4.800)	57.600	101.600
- VST	76.320	76.320	8.000	9.600	-	-	(68.320)	(66.720)	8.000	9.600
Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký lưu ký	93.600.000	93.600.000	93.600.000	93.600.000	-	-	-	-	93.600.000	93.600.000
- ABB	93.600.000	93.600.000	93.600.000	93.600.000	-	-	-	-	93.600.000	93.600.000
	110.263.784	111.164.504	115.756.190	111.793.220	11.707.430	7.292.400	(6.215.024)	(6.663.684)	115.756.190	111.793.220

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Phải thu cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hòa Bình	50.000.000	1.000.000.000
Phải thu từ thu nhập cho thuê tài sản hợp tác với Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex	646.509.046	641.682.316
Phải thu tiền khấu hao Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	235.334.457	714.584.206
	<u>931.843.503</u>	<u>2.356.266.522</u>

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	31.558.081	17.300.001
	<u>31.558.081</u>	<u>17.300.001</u>

8 . CẢM CÓ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng (*)	80.000.000.000	80.000.000.000
	<u>80.000.000.000</u>	<u>80.000.000.000</u>

(*) Tiền đặt cọc theo hợp đồng số 02/2014/HĐKT/HBS-THT ngày 01/01/2014 giữa Công ty với Công ty TNHH Thế hệ Trẻ về việc thuê văn phòng làm việc tại tòa nhà số 46 - 48 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tổng diện tích thuê văn phòng theo Phụ lục số 01 ngày 01/01/2015 là 175 m2 tại tòa nhà 46 - 48 Bà Triệu. Thời gian thuê là 48 năm (từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2061).

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	155.047.373	155.047.373
	<u>155.047.373</u>	<u>155.047.373</u>

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	55.896.160.000	55.896.160.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hòa Bình	50.000.000.000	50.000.000.000
- Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	2.940.000.000	2.940.000.000
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế	2.956.160.000	2.956.160.000
	<u>55.896.160.000</u>	<u>55.896.160.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hòa Bình	TP. Hà Nội	4,16%	4,16%	Bất động sản
Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	TP. Hồ Chí Minh	1,47%	1,47%	Bất động sản
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế	TP. Hà Nội	9,92%	9,92%	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

11 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn (*)	837.681.475	829.782.423
	837.681.475	829.782.423

(*) Khoản dự phòng cho khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế được lập căn cứ theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty này.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2017	12.178.171.307	2.612.291.901	1.180.525.899	15.970.989.107
Tại ngày 31/12/2017	12.178.171.307	2.612.291.901	1.180.525.899	15.970.989.107
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2017	12.178.171.307	2.612.291.901	1.180.525.899	15.970.989.107
Tại ngày 31/12/2017	12.178.171.307	2.612.291.901	1.180.525.899	15.970.989.107
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình				
Tại ngày 01/01/2017	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	-	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 15.970.989.107 VND.

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2017	11.772.361.650	677.554.820	12.449.916.470
Tại ngày 31/12/2017	<u>11.772.361.650</u>	<u>677.554.820</u>	<u>12.449.916.470</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2017	11.445.870.538	677.554.820	12.123.425.358
Khấu hao trong năm	257.046.664	-	257.046.664
Tại ngày 31/12/2017	<u>11.702.917.202</u>	<u>677.554.820</u>	<u>12.380.472.022</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	326.491.112	-	326.491.112
Tại ngày 31/12/2017	<u>69.444.448</u>	<u>-</u>	<u>69.444.448</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 12.324.916.470 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Cộng
		VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2017	51.538.610.342	25.330.275.788	76.868.886.130
Tại ngày 31/12/2017	<u>51.538.610.342</u>	<u>25.330.275.788</u>	<u>76.868.886.130</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2017	7.090.108.419	14.758.752.705	21.848.861.124
Khấu hao trong năm	1.952.220.095	4.108.523.112	6.060.743.207
Tại ngày 31/12/2017	<u>9.042.328.514</u>	<u>18.867.275.817</u>	<u>27.909.604.331</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	44.448.501.923	10.571.523.083	55.020.025.006
Tại ngày 31/12/2017	<u>42.496.281.828</u>	<u>6.462.999.971</u>	<u>48.959.281.799</u>

Bất động sản đầu tư là một phần của Tòa nhà cao ốc văn phòng Vimedimex tại số 246 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tài sản hình thành từ Hợp đồng góp vốn đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng Vimedimex số 022/2009/HĐ-VM-HBS giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình và Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex, được ký trước thời điểm Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/12/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc thành lập và hoạt động công ty chứng khoán có hiệu lực.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Theo biên bản thỏa thuận ngày 01/01/2015 giữa Công ty và Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình sẽ hoàn trả số tiền khấu hao bất động sản đối với phần sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình hàng năm theo số thông báo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình. Trong năm 2017, Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình đã thanh toán tiền khấu hao cho Công ty là 6.539.992.956 VND, bao gồm số tiền khấu hao trả cho năm 2016 là 714.584.206 VND, trả cho năm 2017 là 5.825.408.750 VND và số tiền chưa trả đến 31/12/2017 là 235.334.457 VND (Thuyết minh số 06).

15 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền nợ ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.209.514.148	5.053.380.438
Tiền lãi phân bổ trong năm	2.853.481.353	2.563.101.554
Số dư cuối năm	8.182.995.501	7.736.481.992

16 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	65.277.462	35.852.685
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	-	166.341.061
	65.277.462	202.193.746

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	90.089.497	35.301.241
	90.089.497	35.301.241

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Hoa hồng môi giới	59.086.031	33.256.023
Phải trả về chi phí tiền điện, điện thoại	12.000.000	37.000.000
Phí bảo trì phần mềm	145.586.667	368.000.000
Phải trả khác	88.000.000	88.000.000
	304.672.698	526.256.023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải trả về hoạt động môi giới, tư vấn tài chính (i)	25.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.633.900	-
	25.004.633.900	-

(i): Số tiền bên nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Quản lý Quỹ Quốc tế chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình để mua cổ phần của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế theo thỏa thuận tại hợp đồng mua bán cổ phần ngày 23/11/2017 giữa bên chuyển nhượng là các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế và bên nhận chuyển nhượng.

20 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2017 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	4,67%	15.400.000.000	4,67%	15.400.000.000
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà	3,79%	12.510.000.000	3,79%	12.510.000.000
Ông Nguyễn Đức Hà	13,03%	43.000.000.000	13,03%	43.000.000.000
Bà Nguyễn Hồng Trang	11,04%	36.420.000.000	11,04%	36.420.000.000
Ông Phạm Văn Thuận	13,03%	43.000.000.000	13,03%	43.000.000.000
Ông Trịnh Hoài Nam	15,15%	50.000.000.000	15,15%	50.000.000.000
Ông Đinh Hữu Thành	15,15%	50.000.000.000	15,15%	50.000.000.000
Các cổ đông khác	24,14%	79.669.800.000	24,14%	79.669.800.000
	100%	329.999.800.000	100%	329.999.800.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	37.834.348.586	35.276.341.912
Lợi nhuận chưa thực hiện	5.492.406	-
	37.839.840.992	35.276.341.912

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ - ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	1.946.160.242
Trích Quỹ dự trữ điều lệ	5,00%	97.308.012
Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5,00%	97.308.012
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	2,50%	48.654.032
Lợi nhuận chưa phân phối	87,50%	1.702.890.186

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	329.999.800.000	329.999.800.000
- Vốn góp đầu năm	329.999.800.000	329.999.800.000
- Vốn góp cuối năm	329.999.800.000	329.999.800.000

e) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.999.980	32.999.980
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.999.980	32.999.980
- Cổ phiếu phổ thông	32.999.980	32.999.980
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.999.980	32.999.980
- Cổ phiếu phổ thông	32.999.980	32.999.980
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	11.510.000	11.760.000
	11.510.000	11.760.000

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	55.520.000.000	55.520.000.000
	55.520.000.000	55.520.000.000

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	633.200.190.000	455.096.840.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	20.216.390.000	20.216.390.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	3.399.040.000	653.280.000
	656.815.620.000	475.966.510.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	11.180.000	57.150.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	35.000.000.000	-
	35.011.180.000	57.150.000

25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	500.197.400	493.200.000
	500.197.400	493.200.000

26 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.480.477.835	4.937.296.318
1. Nhà đầu tư trong nước	3.480.477.835	4.937.296.318
	3.480.477.835	4.937.296.318

27 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.480.477.835	4.937.296.318
1.1. Nhà đầu tư trong nước	3.480.477.835	4.937.296.318
	3.480.477.835	4.937.296.318

28 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	12.252.966.560	1.917.795.078
1.1 Phải trả gốc margin	12.252.966.560	1.917.795.078
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	12.252.966.560	1.917.795.078
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1.013.089.374	208.998.200
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1.013.089.374	208.998.200
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	1.013.089.374	208.998.200
	13.266.055.934	2.126.793.278

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

29 . THU NHẬPa) **Cổ tức và tiền lãi sát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	697.480	555.200
Từ các khoản cho vay	1.862.619.313	2.045.396.731
	<u>1.863.316.793</u>	<u>2.045.951.931</u>

b) **Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	4.849.358.326	4.543.682.316
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu cho thuê tài sản	4.849.358.326	4.543.682.316
Thu nhập thuần hoạt động khác	<u>4.849.358.326</u>	<u>4.543.682.316</u>

30 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu, dự thu cổ tức phát sinh trong kỳ	2.500.000.000	2.500.000.000
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	530.773.336	559.374.076
	<u>3.030.773.336</u>	<u>3.059.374.076</u>

31 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	7.899.052	829.782.423
	<u>7.899.052</u>	<u>829.782.423</u>

32 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	2.852.622.900	3.104.473.181
Chi phí vật tư văn phòng	25.319.270	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	18.617.752	18.020.401
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	257.046.664	248.848.888
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.220.217.917	1.133.691.058
Chi phí khác	300.976.935	458.572.691
	<u>4.674.801.438</u>	<u>4.963.606.219</u>

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.806.769.136	1.946.160.242
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.506.189.886)	(2.500.555.200)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.500.697.480)	(2.500.555.200)
- Lãi chưa thực hiện	(5.492.406)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	300.579.250	(554.394.958)
Số lỗ được kết chuyển	(300.579.250)	-
Tổng thu nhập tính thuế	-	(554.394.958)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải thu đầu năm	(155.047.373)	(155.047.373)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải thu cuối năm	(155.047.373)	(155.047.373)

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	2.806.769.136	1.946.160.242
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.806.769.136	1.946.160.242
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	32.999.980	32.999.980
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	85	59

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	194.388.217.504	-	170.766.320.254	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	115.756.190	-	111.164.504	(6.663.684)
Các khoản cho vay	13.266.055.934	-	2.126.793.278	-
Các khoản phải thu	931.843.503	-	2.356.266.522	-
Đầu tư dài hạn	55.896.160.000	(837.681.475)	55.896.160.000	(829.782.423)
	264.598.033.131	(837.681.475)	231.256.704.558	(836.446.107)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	25.109.905.211	218.209.746
Chi phí phải trả	304.672.698	526.256.023
	25.414.577.909	744.465.769

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	115.756.190	-	-	115.756.190
Đầu tư dài hạn	-	-	55.058.478.525	55.058.478.525
	115.756.190	-	55.058.478.525	55.174.234.715
Tại ngày 01/01/2017				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	104.500.820	-	-	104.500.820
Đầu tư dài hạn	-	-	55.066.377.577	55.066.377.577
	104.500.820	-	55.066.377.577	55.170.878.397

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	194.388.217.504	-	-	194.388.217.504
Các khoản cho vay	13.266.055.934	-	-	13.266.055.934
Các khoản phải thu	931.843.503	-	-	931.843.503
	208.586.116.941	-	-	208.586.116.941
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	170.766.320.254	-	-	170.766.320.254
Các khoản cho vay	2.126.793.278	-	-	2.126.793.278
Các khoản phải thu	2.356.266.522	-	-	2.356.266.522
	175.249.380.054	-	-	175.249.380.054

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	25.109.905.211	-	-	25.109.905.211
Chi phí phải trả	304.672.698	-	-	304.672.698
	25.414.577.909	-	-	25.414.577.909

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	218.209.746	-	-	218.209.746
Chi phí phải trả	526.256.023	-	-	526.256.023
	744.465.769	-	-	744.465.769

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn VND	Hoạt động môi giới, tư vấn tài chính VND	Hoạt động cho thuê tài sản VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu hoạt động	2.512.780.310	4.436.545.050	4.849.358.326	11.798.683.686
Chi phí hoạt động	7.825.792	4.840.060.656	-	4.847.886.448
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	530.773.336
Chi phí không phân bổ	-	-	-	4.674.801.438
Kết quả hoạt động	2.504.954.518	(403.515.606)	4.849.358.326	2.806.769.136

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn VND	Hoạt động môi giới, tư vấn tài chính VND	Hoạt động cho thuê tài sản VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Tài sản bộ phận trực tiếp	55.224.234.715	21.449.051.435	49.841.125.302	126.514.411.452
Tài sản không phân bổ	-	-	-	274.771.057.047
Tổng tài sản	55.224.234.715	21.449.051.435	49.841.125.302	401.285.468.499
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	65.277.462	-	65.277.462
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	25.930.003.023
Tổng nợ phải trả	-	65.277.462	-	25.995.280.485

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Cổ tức được chia			
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hòa Bình	Công ty nhận đầu tư	2.500.000.000	2.500.000.000
Thu nhập từ cho thuê tài sản			
Công ty Cổ phần Y Dược Phẩm Vimedimex	Cùng chủ tịch HĐQT	4.849.358.326	4.543.682.316
Nhận tiền khấu hao			
Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	Công ty nhận đầu tư	6.539.992.956	6.640.000.000
Chi phí thuê văn phòng			
Công ty TNHH Thế Hệ Trẻ	Cùng chủ tịch HĐQT	525.000.000	525.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu về khấu hao Bất động sản đầu tư			
Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	Cùng chủ tịch HĐQT	235.334.456	714.584.206
Phải thu tiền cổ tức, lợi nhuận được chia			
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hòa Bình	Công ty nhận đầu tư	50.000.000	1.000.000.000
Phải thu về cho thuê tài sản			
Công ty Cổ phần Y Dược Phẩm Vimedimex	Cùng chủ tịch HĐQT	646.509.046	641.682.316

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNHTầng 7 + 9, Tòa nhà số 46-48, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài,
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.291.297.508	1.213.440.000

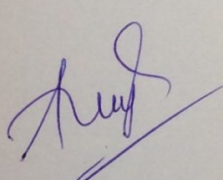
40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

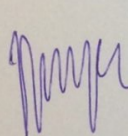
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Từ 01/01/2017, Luật Kế toán cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong ghi nhận giá trị tài sản tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 01/01/2017, Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được điều chỉnh hồi tố do đó số liệu so sánh trên các Báo cáo này là không thể so sánh được.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Phân loại và trình bày lại VND	Trình bày trên báo cáo năm trước VND
Báo cáo kết quả hoạt động			
- Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04	-	2.500.000.000
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	3.059.374.076	559.374.076


 Nguyễn Thị Ánh Tuyết
 Người lập


 Nguyễn Ngọc Dung
 Kế toán trưởng


 Trần Kiên Cường
 Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018